

KẾ HOẠCH

Tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BCĐCCHC ngày 04/02/2020 của Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch tổng kết chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và xây dựng chương trình CCHC giai đoạn 2021-2030 của tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn huyện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá toàn diện tình hình triển khai và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chương trình tổng thể cải cách hành chính), Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh Gia Lai kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Gắn công tác tổng kết, đánh giá Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2021-2030 với công tác chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Yêu cầu

- Công tác tổng kết, đánh giá phải bảo đảm tính toàn diện, thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả; phản ánh đúng thực chất, khách quan về kết quả thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính trên địa bàn huyện.

- Báo cáo chính xác, khách quan, toàn diện kết quả đạt được trên các nội dung cải cách hành chính theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính. Kết quả đạt được phải gắn với các sản phẩm công việc cụ thể, kết hợp chặt chẽ với việc

phân tích các số liệu thống kê trong từng giai đoạn (giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020). Tập trung phân tích, đánh giá để làm rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, làm tiền đề cơ sở cho công tác xây dựng chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của huyện trong giai đoạn tiếp theo.

- Trên cơ sở công tác tổng kết việc thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để xây dựng, tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chương trình, kế hoạch công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2030 đảm bảo tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng chính sách phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong những năm tới.

II. NỘI DUNG TỔNG KẾT

1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- UBND các xã, thị trấn xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 và kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn (theo đề cương), gửi Phòng Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND huyện theo quy định.

- Thời gian hoàn thành: Báo cáo theo biểu mẫu gửi trước ngày 02/4/2020, Báo cáo theo đề cương gửi trước ngày 13/4/2020.

2. Đánh giá kết quả thực hiện của huyện đối với các nội dung chuyên đề theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính,

Căn cứ các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính, UBND huyện giao các cơ quan, đơn vị được phân công theo dõi, phụ trách tiến hành tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện các nội dung có liên quan, gửi báo cáo, số liệu thống kê về UBND huyện (*qua Phòng Nội vụ*) trước ngày 02/4/2020. Cụ thể như sau:

a) Phòng Nội vụ

- Tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện về công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đề xuất các nhiệm vụ được phân công phụ trách giai đoạn 2021 - 2030 theo đề cương báo cáo gửi kèm.

- Thông kê các nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách tại Phụ lục: 1, 4, 5, 8.

b) Phòng Tư pháp

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và nội dung về công tác cải cách thể chế; đề xuất nhiệm vụ cải cách thể chế giai đoạn 2021 - 2030 theo đề cương báo cáo gửi kèm.

- Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính theo Phụ lục 2.

c) Văn phòng HĐND và UBND huyện

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và nội dung về công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, hệ thống thông tin một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đề xuất nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2021 - 2030 của huyện theo đề cương báo cáo gửi kèm.

- Thống kê các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính tại Phụ lục 3 và một số nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách tại Phụ lục 7, 8.

- Tổng hợp, đánh giá một cách thực chất, toàn diện, khách quan về kết quả thực hiện mục tiêu và tình hình triển khai Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất nhiệm vụ liên quan trong giai đoạn 2021 - 2030 của huyện.

- Thống kê số lượng cơ quan, đơn vị công bố ISO theo Phụ lục 7.

d) Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và nội dung về công tác cải cách tài chính công; đề xuất nhiệm vụ cải cách tài chính công giai đoạn 2021 – 2030 của huyện theo đề cương báo cáo gửi kèm.

- Thống kê các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực cải cách tài chính công tại Phụ lục 6.

e) Phòng Văn hóa và Thông tin

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và nội dung về hiện đại hóa hành chính; đề xuất nhiệm vụ về hiện đại hóa hành chính giai đoạn 2021 – 2030 của huyện theo đề cương báo cáo gửi kèm.

- Thống kê các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực hiện đại hóa hành chính do Phòng Văn hóa và Thông tin theo dõi, phụ trách tại Phụ lục 7, 8.

3. Xây dựng báo cáo của UBND huyện về tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính

- Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình UBND huyện báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn huyện và đề xuất nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030; tổng hợp, hoàn thiện các biểu mẫu, phụ lục thống kê các số liệu trong việc triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính theo yêu cầu của tỉnh.

4. Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách

hành chính

- Đối với UBND các xã, thị trấn: Thực hiện tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính trên địa bàn đảm bảo phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm. Thời gian thực hiện: Trước ngày 13/4/2020.

- Đối với cấp huyện: Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND huyện tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính trên địa bàn huyện. Thời gian thực hiện: Dự kiến giữa tháng 4/2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ nhiệm vụ được giao trong kế hoạch để triển khai thực hiện và báo cáo về UBND huyện (qua phòng Nội vụ) theo đúng thời gian quy định.

2. Phòng Nội vụ

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn; xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính, đề xuất nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 theo yêu cầu của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ quan có liên quan đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 của huyện.

3. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao, Trang thông tin điện tử huyện

Tăng thời lượng phát sóng, đưa tin về các nội dung liên quan đến công tác tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính trên địa bàn huyện. Phối hợp lựa chọn một số cơ quan, đơn vị điển hình, có nhiều kết quả nổi bật trong công tác cải hành chính để xây dựng các phóng sự, bài viết phục vụ cho việc phát sóng, đăng tin nhằm tuyên truyền cho việc hoạt động tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính của huyện.

5. UBND các xã, thị trấn

- Tổ chức thực hiện công tác tổng kết nghiêm túc, bảo đảm chất lượng, tiến độ thời gian, phù hợp với tình hình thực tế; hình thức tổ chức tổng kết phù hợp, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; gắn với biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện đáp ứng yêu cầu đổi mới về hình thức, sinh động về nội dung tại đơn vị mình.

- Xây dựng Báo cáo tổng kết; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nội dung chuyên đề Chương trình tổng thể cải cách hành chính; thống kê số liệu tại các phụ lục theo phân công tại Kế hoạch này; từ thực tiễn và yêu cầu cải cách hành

chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2021 - 2030.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về những kết quả nổi bật đã đạt được trong công tác cải cách hành chính.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./. *(ký)*

Nơi nhận:

- TT HU; TT HĐND huyện ;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tô Văn Chánh

Phụ lục 1
**THÔNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU TẠI LĨNH VỰC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH
 CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Kế hoạch số: 41 /KH-UBND ngày 27/3/2020 của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành						
	- Văn bản của Huyện ủy						
	- Văn bản của UBND huyện						
	- Văn bản của UBND huyện						
2	Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC						
3	Tuyên truyền CCHC						
-	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)						
-	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài truyền thanh huyện/xã						
-	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC						
-	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Trang TTĐT huyện (Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)						
-	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).						
4	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng						
5	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị						
	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện						
	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã						

6	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức						
-	Số lượng dịch vụ đã khảo sát						
-	Số lượng mẫu đã khảo sát						
-	Mức độ hài lòng chung						

Phụ lục 2
THỐNG KÊ CÁC NHIỆM VỤ TẠI LĨNH VỰC CẢI CÁCH THẾ CHẾ
(Kèm theo Kế hoạch số: A1 /KH-UBND ngày 27/3/2020 của UBND huyện)

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành						
-	Nghị quyết của HĐND cấp huyện						
-	Quyết định của UBND cấp huyện						
-	Nghị quyết của HĐND cấp xã						
-	Quyết định của UBND cấp xã						
2	Số VBQPPL được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát						
3	Số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát						
4	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền						
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền						
6	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý						
7	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật						

Phụ lục 3

**THÔNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU TẠI LĨNH VỰC CẢI CÁCH
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Kế hoạch số: *41* /KH-UBND ngày *27/3/2020* của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số TTHC						
-	Số lượng TTHC cấp huyện						
-	Số lượng TTHC cấp xã						
2	Số TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của huyện, như: giảm thời gian giải quyết...)						
3	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang Thông tin điện tử						
4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông						
-	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện						
-	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã						
-	Số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp						
-	Số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền						
5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC						
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hẹn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hẹn)						

-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hẹn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hẹn)						
6	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC						
-	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm						
-	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm						
-	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Trang						

Phụ lục 4
THỐNG KÊ VÀ SO SÁCH SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC THUỘC HUYỆN (Tính đến ngày 31/12/2019)
(Kèm theo Kế hoạch số: 41 /KH-UBND ngày 27/3/2020 của UBND huyện)

Giai đoạn	Số đơn vị cấp xã	Số cơ quan chuyên môn thuộc huyện	Số đơn vị nghiệp thuộc UBND huyện	Ghi chú
Giai đoạn 2001-2010 (Tính đến 12/2010)				
Giai đoạn 2011-2020 (Tính đến 12/2019)				

Phụ lục 5

**THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU TẠI LĨNH VỰC XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**
(Kèm theo Kế hoạch số: *A1* /KH-UBND ngày *27/3/2020* của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số biên chế cán bộ, công chức						
-	<i>Tổng số được giao</i>						
-	<i>Tổng số có mặt</i>						
2	Tổng số biên chế viên chức						
-	<i>Tổng số được giao</i>						
-	<i>Tổng số có mặt</i>						
3	Số công chức được tuyển dụng theo hình thức thi cạnh tranh						
4	Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển cạnh tranh						
5	Số lượng cán bộ, công chức được tinh giản biên chế						
6	Số lượng công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm						
7	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm						
8	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng						

Phụ lục 6

THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU TẠI LĨNH VỰC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG
(Kèm theo Kế hoạch số: 41 /KH-UBND ngày 27/3/2020 của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ						
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ						
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên						
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên						

Phụ lục 7

THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU TẠI LĨNH VỰC HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Kế hoạch số: 41 /KH-UBND ngày 27/3/2020 của UBND huyện)

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Tỷ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử						
2	Số đơn vị kết nối Trục liên thông VBQG						
3	Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông VBQG						
4	Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông VBQG						
5	Số lượng chữ ký số						
6	Tỷ lệ công chức có hộp thư điện tử						
7	Số cơ quan chuyên môn, đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản						
8	Số cơ quan chuyên môn, đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc						
9	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4						
10	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ						
11	Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử						
12	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử						
13	Số đơn vị hành chính cấp huyện có bản Công bố ISO						

Phụ lục 8
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Kế hoạch số: A1 /KH-UBND ngày 27/3/2020 của UBND huyện)

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1	Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước	
2	Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020	
3	Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị để không còn sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	
4	Chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận	
5	Sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020	
6	Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020	
7	Đội ngũ công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan, đơn vị có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm	
8	Đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Mạng thông tin điện	

	tử hành chính ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau	
9	Trang thông tin điện tử huyện hoàn thành việc kết nối với Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, hình thành đầy đủ Mạng thông tin điện tử hành chính trên Internet	
10	20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cơ quan	
11	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 20% trở lên; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử	
12	Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Trang thông tin điện tử công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.	
13	100% phần mềm quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	
14	Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.	
15	Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.	
16	100% cơ quan kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước	